

toà án nhân dân
KHU VỰC 7 - Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **299/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/3/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Trọng Phụ
- Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thông - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2026/TLST-HNG ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1992 (Số CCCD: 026192003750)

Nơi cư trú: **Thôn P, xã T, thành phố Hà Nội**

Bị đơn: Anh **Lê Duy A**, sinh năm 1989 (Số CCCD: 001089037689)

Nơi cư trú: **Thôn P, xã T, thành phố Hà Nội**

Có mặt chị **L**, vắng mặt anh **A**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 13 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị **Phan Thị L** trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và anh **Lê Duy A** kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội** ngày 19/8/2013. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại thôn **thôn P, xã T, thành phố Hà Nội**, ở chung với gia đình nhà chồng.

Quá trình chung sống giữa chúng tôi vẫn nảy sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Việc chúng tôi mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Tôi xác định mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho tôi và ông **A** để các bên sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chúng tôi có hai con chung là: **Lê Thị Thảo L1**, sinh ngày 28/3/2014 và **Lê Thu X**, sinh ngày 10/01/2020. Ly hôn, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác, tự đảm nhiệm việc nuôi con.

- **Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, nợ:** Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đã được cán bộ Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về các quan hệ có liên quan trong vụ án ly hôn và quyền được yêu cầu bao gồm nuôi và cấp dưỡng cho con chung, các vấn đề về tài sản, công sức là tài sản chung của vợ chồng khi giải quyết vụ án ly hôn nhưng tôi xác định: Về tài sản chung: chúng tôi tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đây là sự tự nguyện của chúng tôi nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu cả.

*** Bị đơn là anh **Lê D** trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi nhất trí với lời trình bày của bà **L** về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống và thời gian phát sinh mâu thuẫn giữa chúng tôi. Vợ tôi có quan hệ với người đàn ông khác, tôi có đuổi vợ đi và từ tháng 2/2025 đến nay chúng tôi đã ly thân, tôi không biết vợ tôi đi đâu, làm gì và ở đâu. Tôi không đồng ý ly hôn, nếu bà **L** kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về con chung:** Tôi nhất trí với ý kiến của bà **L**. Chúng tôi có 02 con chung là: **Lê Thị Thảo L1**, sinh ngày 28/3/2014 và **Lê Thu X**, sinh ngày 10/01/2020. Hiện tại cả hai con vẫn đang ở cùng tôi và ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai con và tự đảm nhiệm việc nuôi con.

- **Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, nợ:** Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi đã được cán bộ Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về các quan hệ có liên quan trong vụ án ly hôn và quyền được yêu cầu bao gồm nuôi và cấp dưỡng cho con chung, các vấn đề về tài sản, công sức là tài sản chung của vợ chồng khi giải quyết vụ án ly hôn nhưng tôi xác định: Về tài sản chung: chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đây là sự tự nguyện của tôi nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tôi nhất trí để bà **L** tự nguyện chịu cả.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: + Về hôn nhân:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị **L**, xử cho chị **L** được ly hôn với anh **A**.

+ Về con chung: Giao con chung là **Lê Thị Thảo L1**, sinh ngày 28/3/2014 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là **Lê Thu X**, sinh ngày 10/01/2020 cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Chị **L** phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh **Lê Duy A** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại **thôn P, xã T, thành phố Hà Nội**. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn – anh **Lê Duy A** tại phiên tòa: Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội đã tổng đạt hợp lệ các quyết định cho anh **A** nhưng anh **A** vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh **A**.

[2] Về nội dung: Anh **Lê Duy A** và chị **Phan Thị Liên kết H** với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội** (nay là **UBND xã T, thành phố Hà Nội**) ngày 19/8/2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị **L**, anh **A** chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị **L** là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh **A** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị **L** ngoại tình nên anh đã đuổi chị đi. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Chị **L** xin ly hôn, anh **A** không đồng ý ly hôn

nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **L** là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị **L**, anh **A** có 02 con chung là **Lê Thị Thảo L1**, sinh ngày 28/3/2014 và **Lê Thu X**, sinh ngày 10/01/2020. Ly hôn, anh chị đều đề nghị xin nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh, chị **H1** thấy: Nguyện vọng nuôi con chung của anh chị là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị **L** là nhân viên **Công ty TNHH L2**, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng và đang ở nhà bố mẹ đẻ. Anh **A** đang làm lao động tự do và hiện đang ở nhà bố mẹ đẻ. Tuy anh **A** không xuất trình được tài liệu chứng minh thu nhập nhưng kể từ khi vợ chồng sống ly thân, hai con ở cùng anh **A**, các cháu đều đi học và sức khỏe tốt. Như vậy chị **L**, anh **A** đều có thể đảm nhiệm việc nuôi con. Cháu **L1** có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì nên rất cần sự chăm sóc, hướng dẫn của người mẹ. Do đó giao cháu **L1** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **X** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của các con.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức, nợ: Chị **L**, anh **A** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. VÒ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phan Thị L**, cho chị **Phan Thị L** được ly hôn anh **Lê Duy A**.

2. VÒ con chung: Xác định chị **Phan Thị L** và anh **Lê Duy A** có 02 con chung là **Lê Thị Thảo L1**, sinh ngày 28/3/2014 và **Lê Thu X**, sinh ngày 10/01/2020.

Giao con chung là **Lê Thị Thảo L1** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là **Lê Thu X** cho anh **A** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Chị **L**, anh **A** có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **L**, anh **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Phan Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000014 ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị **Phan Thị L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **Lê Duy A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Trung Giã, TP Hà Nội
- Lưu: Văn Phòng, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thu Trang